

PHỤ LỤC
BÁO CÁO SỐ LIỆU THU - CHI CÁC TRƯỜNG (đến thời điểm 30/6/2025)
(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /10/2025 của UBND xã Minh Long)

TT	Nội dung	Tổng cộng	Kinh phí đã phân bổ thực hiện trong năm 2025		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện đến 30/6/2025		Tổng cộng	Kinh phí còn lại (điều chuyển tiếp tục thực hiện)		Ghi chú
			Nguồn 12	Nguồn 13		Nguồn 12	Nguồn 13		Nguồn 12	Nguồn 13	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l=2+3</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=5+6</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=8+9</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	
	Tổng cộng	74.937.321.435	12.424.453.078	62.512.868.357	40.582.432.501	7.257.845.405	33.324.587.096	34.354.888.934	5.166.607.673	29.188.281.261	
I	Trường Mầm Non Ánh Dương	9.236.166.536	624.542.000	8.611.624.536	5.250.764.577	608.542.000	4.642.222.577	3.985.401.959	16.000.000	3.969.401.959	
1	Kinh phí chuyển nguồn năm trước sang	971.664.536		971.664.536	947.163.000	0	947.163.000	24.501.536	0	24.501.536	
2	Kinh phí giao đầu năm 2025	7.779.960.000	140.000.000	7.639.960.000	3.835.059.577	140.000.000	3.695.059.577	3.944.900.423	0	3.944.900.423	
3	Kinh Phí bổ sung trong năm 2025	484.542.000	484.542.000		468.542.000	468.542.000		16.000.000	16.000.000	0	
II	Trường Mầm Non Thanh An	4.488.065.643	166.550.000	4.321.515.643	2.559.779.597	139.750.000	2.420.029.597	1.928.286.046	26.800.000	1.901.486.046	
1	Kinh phí chuyển nguồn năm trước sang	526.855.643		526.855.643	377.600.000		377.600.000	149.255.643	0	149.255.643	
2	Kinh phí giao đầu năm 2025	3.914.660.000	120.000.000	3.794.660.000	2.162.429.597	120.000.000	2.042.429.597	1.752.230.403	0	1.752.230.403	
3	Kinh Phí bổ sung trong năm 2025	46.550.000	46.550.000		19.750.000	19.750.000		26.800.000	26.800.000	0	
III	Trường Mầm Non Long Môn	4.922.416.926	994.540.500	3.927.876.426	2.176.382.450	508.173.500	1.668.208.950	2.746.034.476	486.367.000	2.259.667.476	
1	Kinh phí chuyển nguồn năm trước sang	770.986.426		770.986.426	88.700.000		88.700.000	682.286.426	0	682.286.426	
2	Kinh phí giao đầu năm 2025	3.276.890.000	120.000.000	3.156.890.000	1.699.508.950	120.000.000	1.579.508.950	1.577.381.050	0	1.577.381.050	
3	Kinh Phí bổ sung trong năm 2025	874.540.500	874.540.500	0	388.173.500	388.173.500	0	486.367.000	486.367.000	0	
IV	Trường Tiểu học Long Hiệp	12.119.798.159	1.332.475.078	10.787.323.081	7.036.377.180	923.915.078	6.112.462.102	5.083.420.979	408.560.000	4.674.860.979	
1	Kinh phí chuyển nguồn năm trước sang	883.683.081	0	883.683.081	883.683.081	0	883.683.081	0	0	0	
2	Kinh phí giao đầu năm 2025	9.964.160.000	206.000.000	9.758.160.000	5.378.779.021	150.000.000	5.228.779.021	4.585.380.979	56.000.000	4.529.380.979	
3	Kinh Phí bổ sung trong năm 2025	1.271.955.078	1.126.475.078	145.480.000	773.915.078	773.915.078	0	498.040.000	352.560.000	145.480.000	
V	Trường Tiểu học Thanh An	7.062.129.564	189.750.000	6.872.379.564	3.475.203.560	115.750.000	3.359.453.560	3.586.926.004	74.000.000	3.512.926.004	
1	Kinh phí chuyển nguồn năm trước sang	1.096.919.564	0	1.096.919.564	548.100.000	0	548.100.000	548.819.564	0	548.819.564	
2	Kinh phí giao đầu năm 2025	5.931.460.000	156.000.000	5.775.460.000	2.911.353.560	100.000.000	2.811.353.560	3.020.106.440	56.000.000	2.964.106.440	
3	Kinh Phí bổ sung trong năm 2025	33.750.000	33.750.000	0	15.750.000	15.750.000	0	18.000.000	18.000.000	0	
VI	Trường PTDTBT Tiểu học & THCS Long Môn	11.303.928.842	2.178.099.000	9.125.829.842	5.550.430.644	1.269.185.520	4.281.245.124	5.753.498.198	908.913.480	4.844.584.718	
a	Bậc Tiểu học	5.503.379.719	1.087.795.000	4.415.584.719	2.759.235.321	703.850.000	2.055.385.321	2.744.144.398	383.945.000	2.360.199.398	

1	Kinh phí chuyển nguồn năm trước sang	816.084.719		816.084.719	250.000.000		250.000.000	566.084.719	-	566.084.719	
2	Kinh phí giao đầu năm 2025	3.781.500.000	182.000.000	3.599.500.000	1.901.110.321	95.725.000	1.805.385.321	1.880.389.679	86.275.000	1.794.114.679	
3	Kinh Phí bổ sung trong năm 2025	905.795.000	905.795.000		608.125.000	608.125.000		297.670.000	297.670.000	-	
b	Bạc THCS	5.800.549.123	1.090.304.000	4.710.245.123	2.791.195.323	565.335.520	2.225.859.803	3.009.353.800	524.968.480	2.484.385.320	
1	Kinh phí chuyển nguồn năm trước sang	64.065.123		64.065.123	0		-	64.065.123	-	64.065.123	
2	Kinh phí giao đầu năm 2025	4.742.180.000	96.000.000	4.646.180.000	2.305.859.803	80.000.000	2.225.859.803	2.436.320.197	16.000.000	2.420.320.197	
3	Kinh Phí bổ sung trong năm 2025	994.304.000	994.304.000		485.335.520	485.335.520		508.968.480	508.968.480	0	
VII	Trường THCS Thanh An	4.912.019.753	184.450.000	4.727.569.753	2.488.197.139	158.250.000	2.329.947.139	2.423.822.614	26.200.000	2.397.622.614	
1	Kinh phí chuyển nguồn năm trước sang	526.889.753		526.889.753	290.000.000		290.000.000	236.889.753	-	236.889.753	
2	Kinh phí giao đầu năm 2025	4.366.680.000	166.000.000	4.200.680.000	2.189.947.139	150.000.000	2.039.947.139	2.176.732.861	16.000.000	2.160.732.861	
3	Kinh Phí bổ sung trong năm 2025	18.450.000	18.450.000		8.250.000	8.250.000		10.200.000	10.200.000	-	
VIII	Trường THCS Long Hiệp	8.117.620.702	1.306.380.500	6.811.240.202	5.152.291.488	892.089.700	4.260.201.788	2.965.329.214	414.290.800	2.551.038.414	
1	Kinh phí chuyển nguồn năm trước sang	545.534.202	0	545.534.202	545.534.202	0	545.534.202	0	-	-	
2	Kinh phí giao đầu năm 2025	6.099.960.000	136.000.000	5.963.960.000	3.648.826.786	119.959.200	3.528.867.586	2.451.133.214	16.040.800	2.435.092.414	
3	Kinh Phí bổ sung trong năm 2025	1.472.126.500	1.170.380.500	301.746.000	957.930.500	772.130.500	185.800.000	514.196.000	398.250.000	115.946.000	
IX	Trường PTDTNT THCS Minh Long	12.775.175.310	5.447.666.000	7.327.509.310	6.893.005.866	2.642.189.607	4.250.816.259	5.882.169.444	2.805.476.393	3.076.693.051	
1	Kinh phí chuyển nguồn năm trước sang	964.839.310		964.839.310	964.839.310		964.839.310	0	0	0	
2	Kinh phí giao đầu năm 2025	11.151.470.000	4.788.800.000	6.362.670.000	5.629.306.556	2.343.329.607	3.285.976.949	5.522.163.444	2.445.470.393	3.076.693.051	
3	Kinh Phí bổ sung trong năm 2025	658.866.000	658.866.000		298.860.000	298.860.000		360.006.000	360.006.000	0	